

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Mã đề 301

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào sau đây ở Đông Bắc Á trở thành một trong bốn “con rồng” kinh tế châu Á?

- A. Hàn Quốc. B. Xinggapo. C. Trung Quốc. D. Nhật Bản.

Câu 2. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919 – 1929), thực dân Pháp bỏ vốn đầu tư nhiều nhất vào lĩnh vực nào sau đây?

- A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp. C. Thương nghiệp. D. Tài chính.

Câu 3. Một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa Cương lĩnh chính trị của Nguyễn Ái Quốc và Luận cương chính trị của Trần Phú là

- A. chủ trương tập hợp lực lượng.
B. việc xác định đồng minh.
C. xác định phương pháp đấu tranh cách mạng.
D. việc xác định giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu khiến kinh tế Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản suy thoái trong thập niên 70 của thế kỉ XX là do

- A. tổn kém trong cuộc chạy đua vũ trang.
B. sa lầy trong các cuộc chiến tranh.
C. tác động của khủng hoảng năng lượng.
D. bị các nước NICs cạnh tranh gay gắt.

Câu 5. Năm 1991, Hiệp định nào dưới đây đã được kí kết?

- A. Hiệp định Viêng Chăn về Lào. B. Hiệp định hòa bình về Campuchia.
C. Hiệp định Pari về Việt Nam. D. Hiệp định quân sự Bàn Môn Điếm.

Câu 6. Trong thập niên 90 của thế kỉ XX, nguyên nhân khách quan nào sau đây khiến quá trình mở rộng thành viên của ASEAN diễn ra thuận lợi?

- A. Các nước lớn chấm dứt can thiệp.
B. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây bắt đầu xuất hiện.
C. Các quốc gia Đông Nam Á đã giành độc lập.
D. Tác động của xu thế toàn cầu hóa.

Câu 7. Hội nghị quốc tế tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc (1945) được họp tại

- A. Ianta (Liên Xô). B. Pốttxdam (Đức).
C. Băng Cốc (Thái Lan). D. Xan Phranxixcô (Mỹ).

Câu 8. Từ sau cuộc khủng hoảng năng lượng 1973, cuộc cách mạng - khoa học kỹ thuật chủ yếu diễn ra về

- A. Tin học B. công nghệ C. khoa học D. kỹ thuật

Câu 9. Lực lượng được Nguyễn Ái Quốc sử dụng làm cầu nối đưa lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào phong trào công nhân Việt Nam là

- A. trung, tiểu địa chủ. B. giai cấp nông dân.
C. tiểu tư sản trí thức. D. tư sản dân tộc.

Câu 10. Một trong những khẩu hiệu chính trị xuất hiện trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở Việt Nam là

- A. “Đả đảo phong kiến” B. “Giảm sưu, giảm thuế”.
C. “Cơm áo, hòa bình”. D. “Cải thiện đời sống”.

Câu 11. Ý nào **không** phản ánh đúng khó khăn, hạn chế của kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952 – 1973?

- A. Thường xuyên diễn ra suy thoái. B. Luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt.
C. Cơ cấu vùng kinh tế thiếu cân đối. D. Lãnh thổ hẹp, nghèo tài nguyên.

Câu 12. Sự kiện nào dưới đây đã tạo nên sự phân chia đối lập giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Hiệp định về cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.
B. Định ước Henxinki được kí kết.
C. Sự ra đời của tổ chức NATO và tổ chức Hiệp ước Vácava.
D. Mĩ thực hiện "Kế hoạch Mác-san".

Câu 13. Các Hội nghị Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1939 đến năm 1945, đều tập trung vào mục tiêu

- A. tạm gác vấn đề ruộng đất.
B. trực tiếp chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.
C. giải quyết vấn đề dân tộc ở Đông Dương
D. giành lại độc lập dân tộc.

Câu 14. Giữa các tổ chức yêu nước cách mạng ở Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX **không** có sự khác nhau về

- A. mục đích cuối cùng. B. phương pháp đấu tranh.
C. khuynh hướng cứu nước. D. thành phần lãnh đạo.

Câu 15. Nội dung chính sách đối ngoại “định hướng Đại Tây Dương” của Liên bang Nga đầu thập niên 90 của thế kỉ XX là ngả về

- A. phương Tây. B. phương Đông. C. châu Á. D. châu Phi.

Câu 16. Khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Đảng Cộng sản Đông Dương **không** phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền vì

- A. quần chúng nhân dân vẫn chưa ngả về phía cách mạng.
B. chưa xuất hiện khủng hoảng chính trị ở Đông Dương.
C. công cuộc chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa chưa được tiến hành.
D. kẻ thù chính của cách mạng vẫn đủ sức duy trì nền thống trị.

Câu 17. Giai cấp tư sản Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919 – 1929) có điểm gì tương đồng với giai cấp tư sản phương Tây?

- A. Về thời gian xuất hiện.
- B. Về điều kiện ra đời.
- C. Về địa vị chính trị và kinh tế trong xã hội.
- D. Điều đại diện cho phương thức sản xuất mới.

Câu 18. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 – 1930) đã thông qua văn kiện lịch sử nào dưới đây?

- A. Cương lĩnh chính trị.
- B. Luận cương chính trị.
- C. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
- D. Chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”.

Câu 19. Nhiệm vụ hàng đầu của Tây Âu trong khoảng 5 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. đẩy mạnh việc liên kết khu vực.
- B. cải cách dân chủ.
- C. khôi phục kinh tế.
- D. đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

Câu 20. Tổ chức nào dưới đây tiêu biểu cho khuynh hướng tư sản ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Đông Dương cộng sản đảng.
- B. Tân Việt cách mạng đảng.
- C. An Nam cộng sản đảng.
- D. Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 21. Nội dung nào **không** phải là một trong các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương được các nước tham dự Hội nghị Giơnevơ (1954) tôn trọng?

- A. Tự do.
- B. Thống nhất.
- C. Độc lập.
- D. Chủ quyền.

Câu 22. Trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Tây Nguyên năm 1975, quân dân Việt Nam đều tiến công vào

- A. vị trí quan trọng về chiến lược nhưng quân địch yếu.
- B. nơi tập trung những lực lượng tinh nhuệ nhất của địch.
- C. nơi tập trung các cơ quan đầu não của địch.
- D. nơi ta có căn cứ vững chắc, hậu cần đầy đủ.

Câu 23. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), thắng lợi nào dưới đây đã buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”?

- A. Chiến thắng Biên giới thu đông (1950).
- B. Chiến thắng Việt Bắc thu đông (1947).
- C. Chiến thắng Tây Bắc thu đông (1952).
- D. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

Câu 24. Một biểu hiện về tính chất cách mạng trong phong trào dân chủ 1936-1939 ở Việt Nam là

- A. chống cả đế quốc Pháp, bọn phản động thuộc địa và tay sai Pháp.
- B. phong trào vẫn nằm trong tiến trình cách mạng do Đảng lãnh đạo.
- C. tạm gác nhiệm vụ chiến lược để chống bọn phản động thuộc địa.
- D. đã khắc phục được hạn chế của Luận cương về nhiệm vụ dân tộc.

Câu 25. Trong những năm 1961 – 1965, đế quốc Mỹ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến lược chiến tranh Aixenhao.
- B. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
- C. Chiến lược “chiến tranh cục bộ”.
- D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 26. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX **không** thuộc phạm trù “Cần vương”?

- A. Hùng Lĩnh.
- B. Yên Thế.
- C. Hương Khê.
- D. Ba Đình.

Câu 27. So với cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam có điểm mới là

- A. từ chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy.
- B. kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.
- C. từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.
- D. lấy đòn tiến công của lực lượng vũ trang làm nòng cốt.

Câu 28. Sự kiện lịch sử nào dưới đây ảnh hưởng đến phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1919 – 1930?

- A. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện.
- B. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.
- C. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- D. Đảng Cộng sản Pháp ra đời.

Câu 29. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, tính chất dân chủ **không** phải là điển hình vì

- A. chế độ thực dân, phong kiến chưa được xóa bỏ.
- B. lực lượng cách mạng chưa bao gồm lực lượng dân tộc.
- C. khẩu hiệu cách mạng ruộng đất chưa thực hiện triệt để.
- D. nhà nước của nhân dân vẫn chưa được thành lập.

Câu 30. Theo nội dung của kế hoạch Nava, từ thu – đông 1954, ở Bắc Bộ của Việt Nam thực dân Pháp chủ trương thực hiện

- A. phòng ngự tích cực.
- B. tổng tiến công chiến lược.
- C. tiến công chiến lược.
- D. phòng ngự chiến lược.

Câu 31. Một trong những mục tiêu của Bộ Chính trị Trung ương Đảng khi quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ (12 – 1953) là

- A. củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
- B. mở đường liên lạc với quốc tế.
- C. tiêu diệt sinh lực của địch.
- D. bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 32. Để giành độc lập cho dân tộc Việt Nam, đầu thế kỉ XX Phan Bội Châu chủ trương cứu nước bằng phương pháp

- A. cải cách.
- B. kêu gọi Pháp trao trả nền độc lập.
- C. đoàn kết với các dân tộc bị áp bức.
- D. bạo động.

Câu 33. Sự kiện khách quan nào dưới đây trực tiếp tạo ra thời cơ “ngàn năm có một” cho cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra thắng lợi?

- A. Nhật đảo chính Pháp.
- B. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

C. Nhật vào Đông Dương.

D. Cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

Câu 34. Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 – 1973) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam là

A. đều mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.

B. mở rộng chiến tranh xâm lược Lào và Campuchia.

C. quân Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu, vừa cố vấn chỉ huy.

D. được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

Câu 35. Một trong những thuận lợi cơ bản của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. nhân dân đã giành quyền làm chủ, gắn bó với chế độ.

B. tàn dư văn hóa lạc hậu của thực dân, phong kiến

C. kinh tế lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

D. chính quyền cách mạng mới thành lập, còn non trẻ.

Câu 36. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi (3 – 1975) đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của Việt Nam từ tiến công chiến lược phát triển thành

A. cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam.

B. khởi nghĩa từng phần.

C. tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

D. chiến tranh giải phóng.

Câu 37. Căn cứ địa trong Cách mạng tháng Tám (1945) và hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) của Việt Nam đều

A. là nơi chiến sự giữa hai bên diễn ra ác liệt, gay go nhất.

B. được xây dựng ở cả vùng tự do và vùng địch tạm chiếm.

C. là nơi đứng chân tuyệt đối an toàn của bộ đội chủ lực.

D. được tổ chức theo mô hình của căn cứ kháng chiến.

Câu 38. Nội dung nào dưới đây **không** thuộc Hiệp định Sơ bộ giữa Việt Nam và Pháp (6-3-1946)?

A. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam.

B. Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Hai bên ngừng xung đột ở phía Nam và giữ nguyên quân đội tại vị trí cũ.

D. Đồng ý cho quân Pháp ra Bắc thay thế quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 39. Chiến thắng có ý nghĩa mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ (1965 – 1968) là

A. An Lão.

B. Vạn Tường.

C. Ấp Bắc.

D. Bình Giả.

Câu 40. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Nam trong những năm 1954 – 1975 là

A. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. hàn gắn vết thương chiến tranh.

C. làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. phối hợp chiến đấu với quân dân miền Bắc.

----- **HẾT** -----